

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 30-6-2022

Về việc “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hùng Vương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Tấn Thành;

2. Bà Thi Thị Ngọc Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Bé Đào - Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Long An.

Ngày 30 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 49/2022/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Dương Thanh V - Sinh năm 1987 - Địa chỉ: Ấp TNĐ, xã NC, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (Vắng mặt).

2. Bị đơn: Bà Lê Ngọc H1 - Sinh năm 1994 - Địa chỉ: Ấp 3, xã BHN, huyện H, tỉnh Long An (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 20 tháng 5 năm 2022, các văn bản tiếp theo, nguyên đơn ông Dương Thanh V trình bày và yêu cầu:

Ông và bà Lê Ngọc H1 cưới nhau tháng 11 năm 2012, không có đăng ký kết hôn. Chung sống đến năm 2014 phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Ông và bà H1 đã ly thân từ năm 2014 đến nay.

Về hôn nhân: Ông yêu cầu ly hôn, không công nhận vợ chồng với với bà Lê Ngọc H1;

Về con chung: Ông và bà H1 có 01 con chung tên Dương Đăng T, sinh ngày 16-

9-2013, đang sống chung với ông. Ông yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu bà H1 cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại Bản tự khai ngày 24-5-2022, các văn bản tiếp theo, bị đơn bà Lê Ngọc H1 trình bày thống nhất trình bày của ông Dương Thanh V về ngày tháng điều kiện kết hôn, nguyên nhân, thời gian mâu thuẫn, ly thân, con chung và việc không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về hôn nhân: Bà đồng ý ly hôn, không công nhận vợ chồng với ông Dương Thanh V.

Về con chung: Bà thống nhất theo yêu cầu của ông V.

- Ngày 20-5-2022, ông Dương Thanh V có đơn xin xét xử vắng mặt;
- Ngày 24-5-2022, bị đơn là bà Lê Ngọc H1 có đơn xin xét xử vắng mặt.
- Vụ án không tiến hành hòa giải đoàn tụ, do đương sự không có đăng ký kết hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ông Dương Thanh V khởi kiện “Tranh chấp ly hôn” đối với bà Lê Ngọc H1; Tòa án nhân dân huyện H tỉnh Long An thụ lý giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Ông V, bà H1 có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử xét đơn khởi kiện của ông V theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

[3] Tại phiên tòa, nguyên đơn không có đơn rút yêu cầu khởi kiện, các đương sự không thỏa thuận được với nhau việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

[4] Xét về hôn nhân: Ông V và bà H1 chung sống như vợ chồng từ tháng 11 năm 2012, nhưng không có đăng ký kết hôn. Quan hệ hôn nhân giữa ông V và bà H1 vi phạm khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 là không đăng ký kết hôn đúng theo quy định của pháp luật nên không được pháp luật về hôn nhân và gia đình công nhận là vợ chồng; ông V và bà H1 cùng yêu cầu ly hôn là không có căn cứ chấp nhận nhưng yêu cầu không công nhận vợ chồng là có căn cứ.

[5] Về nuôi con chung:

[5.1] Xét trước khi mở phiên tòa ông V và bà H1 trình bày thống nhất việc ông V được trực tiếp nuôi con chung tên Dương Đăng T, sinh ngày 16-9-2013, đang sống chung với ông V, bà H1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Việc thống nhất của đương sự về người trực tiếp nuôi con chung và việc cấp dưỡng nuôi con chung là tự

nguyên, theo nguyện vọng của con chung, nên ghi nhận là phù hợp theo quy định tại Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

[5.2] Bà H1 được quyền thăm nom, chăm sóc con chung; Khi cần thiết, vì lợi ích của con chung, ông V và bà H1 được quyền yêu cầu thay đổi tình trạng nuôi con chung và việc cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp theo quy định tại các Điều 83, 84, 107 và 110 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[6] Về chia tài sản chung: Ông V và bà H1 trình bày không có tài sản chung, không yêu cầu, nên không đề cập giải quyết là phù hợp quy định tại Điều 59 Luật Hôn nhân gia đình.

[7] Về chia nợ chung: Ông V và bà H1 trình bày không có, không yêu cầu, nên không đề cập giải quyết; Nếu xảy ra tranh chấp, các đương sự được quyền khởi kiện bằng vụ án khác theo pháp luật tố tụng dân sự là phù hợp quy định tại Điều 60 Luật Hôn nhân gia đình.

[8] Về án phí, căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xét thấy: Ông V là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp, ông V đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm; Bà H1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228, các Điều 147, 266, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; khoản 1 Điều 9, các Điều 59, 60, 81 và 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa ông Dương Thanh V và bà Lê Ngọc H1 không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

2. Về nuôi con chung:

Ghi nhận sự thống nhất của đương sự: Ông Dương Thanh V được trực tiếp nuôi con chung tên Dương Đăng T, sinh ngày 16-9-2013, đang sống chung với ông V (theo nguyện vọng của con chung). Bà Lê Ngọc H1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà H1 được quyền thăm nom, chăm sóc con chung; Khi cần thiết, vì lợi ích của con chung, ông V và bà H1 được quyền yêu cầu thay đổi tình trạng nuôi con chung và việc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về chia tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Ông Dương Thanh V phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp (theo Biên lai thu số 0005196 ngày 20-5-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H), ông V đã nộp đủ án phí.

6. Các đương sự vắng mặt, được quyền kháng cáo bản án theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- UBND xã NC, huyện DD, tỉnh Cà Mau (để biết);
- UBND xã Bình Hòa Nam (để biết);
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hùng Vương